TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Số: **111/2021/QĐST-HNGĐ*** *"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con và ghi nhận phân chia tài sản chung khi ly hôn"*	*K, ngày 07 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 178/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17/11/2021, giữa: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn anh Vũ Hồng K, sinh năm 1971; nơi công tác và cư trú: Hải đội x, Bộ đội Biên phòng, tỉnh Ninh Bình - đóng tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 38; 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Hồng K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Hồng K thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Vũ Thị Hồng K, sinh ngày 18/7/2005 và cháu Vũ Thị Hồng N, sinh

ngày 01/8/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Hồng K thỏa thuận chị H nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004454, ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Thu H số tiền 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Hồng K xác nhận tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Quyền sử dụng đất tại thửa số 261, tờ bản đồ số 13; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; diện tích 1068,0m^2 *(Bằng chữ: Một nghìn không trăm sáu mươi tám mét vuông)*.

Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn 200,0m^2; Đất trồng cây hàng năm khác: 868,0 m^2

Thời hạn sử dụng: Đất ở nông thôn: Lâu dài. Đất trồng cây hàng năm khác: sử dụng đến 04/01/2020 (đã được đính chính ngày 04/8/2021 với nội dung: Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 04/01/2070).

Trên đất có xây dựng nhà lợp mái tôn và công trình phụ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 246648 cấp ngày 03/11/2010 mang tên ông Vũ Hồng K và bà Lê Thị Thu H.

Chị Lê Thị Thu H và anh Vũ Hồng K tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nói trên và cùng đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Thu H được toàn quyền sở hữu, sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu trên, chị Lê Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Hồng K số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng, là tiền chênh lệch về tài sản. Chị Lê Thị

Thu H tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai tại địa phương để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện K (2);
- CCTHADS huyện K (1);
- UBND phường Đ, TP. H, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng